

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 7 - 2018

V/v: không công nhận là vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thanh

2. Ông Võ Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đô – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa: Ông Phan Phát Tấn – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh TT – sinh năm: 1979, địa chỉ cư trú: Ấp Nhơn Thọ, xã Nhơn Nghĩa A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Mai QT – sinh năm: 1981, địa chỉ: Ấp A, thị trấn B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn PH – sinh năm: 1977, địa chỉ cư trú: Ấp N, xã M, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 18/6/2018, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Huỳnh TT trình bày: Bà với ông PH tiến đến hôn nhân năm 1998, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo luật định; chung sống hạnh phúc đến năm 2001 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau nên từ cuối năm

2002 thì ly thân chấm dứt quan hệ vợ chồng đến nay. Nhận thấy, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông PH.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh TN (nữ), sinh ngày 11/12/2000 hiện đang sống chung với bà, khi ly hôn bà yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi cháu N, không yêu cầu ông PH cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bà Huỳnh TT có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Lê Văn PH trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung, cũng như về nguyên nhân mâu thuẫn không thể hàn gắn nên ông đồng ý ly hôn. Về con chung ông thống nhất để bà T nuôi và ông không phải cấp dưỡng.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Mai QT trình bày: Do bà T và ông PH chung sống với nhau thời gian dài đến nay mà không đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và tuyên xử không công nhận bà Huỳnh TT và ông Lê Văn PH là vợ chồng; về con chung bà T và ông PH thỏa thuận với nhau là giao cho bà T nuôi dưỡng cháu Huỳnh TN nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; về tài sản và nợ chung không có nên không đề cập xử lý.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, nhận thấy hôn nhân giữa bà T và ông PH không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà T và ông PH là vợ chồng; về con chung có 01 con chung là cháu Huỳnh TN (nữ), sinh ngày 11/12/2000 bà T và ông PH thống nhất để bà T nuôi dưỡng và ông PH không phải cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận; về tài sản và nợ chung không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Đề nghị buộc bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Huỳnh TT và ông Lê Văn PH do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông PH, các bên không có đăng ký kết hôn và có thỏa thuận bằng văn bản lựa chọn Tòa án nơi nguyên đơn cư trú để giải quyết nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn đã tham gia việc kiểm tra, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải xong và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh TT:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà T và ông PH được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo luật định mà tự ý chung sống với nhau như vợ chồng, mặc dù từ năm 1998 đến nay bà T và ông PH có đủ thời gian và điều kiện để đi đăng ký kết hôn theo luật định nhưng không thực hiện. Vì vậy khi giải quyết việc ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình không công nhận bà T và ông PH là vợ chồng.

[3.2] Xét về con chung: Bà T và ông PH khai thống nhất có 01 con chung tên Huỳnh TN (nữ), sinh ngày 11/12/2000 hiện đang sống chung với bà T, và thỏa thuận khi ly hôn giao cho bà T được quyền tiếp tục nuôi cháu N, ông PH không phải cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên khai không có nên không xem xét, giải quyết; nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc bà Huỳnh TT phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự. Điều 14, các Điều 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27

của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh TT.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Huỳnh TT và ông Lê Văn PH là vợ chồng.

Về con chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bà Huỳnh TT với ông Lê Văn PH là bà Huỳnh TT được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh TN (nữ), sinh ngày 11/12/2000, ông PH không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Lê Văn PH không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Các bên khai không có nên không xem xét, giải quyết; nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh TT phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp tạm ứng án phí lệ phí Tòa án theo biên lai số 0014782 ngày 18/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà T đã nộp xong).

Bị đơn ông Lê Văn PH có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn bà Huỳnh TT có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Nghĩa A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Tâm